

BẢNG 08
Các yếu tố dễ bị tổn thương
(Kèm theo Phương án số: /PA-UBND ngày /5/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

STT	Tên mục	Đơn vị	Tổng toàn tỉnh	Phân chia theo đơn vị hành chính								
				Tp.Yên Bái	Huyện Trấn Yên	Huyện Văn Yên	Huyện Yên Bình	Huyện Văn Chấn	Huyện Trạm Tấu	Huyện Mù Cang Chải	Huyện Lục Yên	Thị xã Nghĩa Lộ
I	Con người		207.409	24.413	14.819	40.437	55.036	9.173	9.763	22.095	30.238	1.435
1	Trẻ em	Người	111.415	12.119	9.954	21.269	30.247	10	4.923	13.032	19.631	230
2	Người già	Người	38.094	1.106	2.555	9.575	15.517	1.518	921	3.171	3.671	60
3	Người khuyết tật	Người	9.288	1.195	988	1.627	2.000	2.031	231	382	834	
4	Phụ nữ mang thai, nuôi con dưới 12 tháng tuổi	Người	6.240	985	493	1.484	403	210	89	1.460	1.106	10
5	Phụ nữ đơn thân	Người	2.780	240	309	747	511	179	30	149	610	5
6	Người bị bệnh hiểm nghèo	Người	6.509	412	377	906	358		26	3.868	257	305
7	Số hộ nghèo	Hộ	8.453	21	143	1.258	652	1.977	3.543	33	801	25
8	Số người bị sơn tán, di dời trước thiên tai	Người	24.630	8.335	-	3.571	5.348	3.248		-	3.328	800
II	Cơ sở hạ tầng		12.336	1.219	1.251	2.840	1.737	1.416	416	417	1.945	1.095
1	Nhà tạm, dễ sập	Cái	1.543		3	247		112	96	185	750	150
2	Nhà ven sông, ven suối	Cái	2.925	23	72	989	358	185	52	72	334	840
3	Nhà ven núi, sườn đồi, mái dốc	Cái	7.868	1.196	1.176	1.604	1.379	1.119	268	160	861	105
III	Sản xuất		5.011	844	1.256	1.361	-	25	-	17	684	825
1	Vùng dễ bị ngập lụt	Ha	3.415	694	1.214	622		25		10,5	350	500
2	Vùng dễ bị hạn hán	Ha	1.596	150	42	739		-		6	334	325

